TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN G

Bản án số: 25/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 04/5/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Tám**.

Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Lê Quỳnh T**, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Số 516/15/6 ND, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn:* Anh **Lê Trường G**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số 516/15/6 ND, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú và chổ ở hiện nay: Ấp P, xã L, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền G.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Bùi Lê Quỳnh T trình bày:*

Chị và anh Lê Trường G là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn 07, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/01/2007. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh G không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng ly thân từ đó cho đến

nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Trường G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 18/7/2016, hiện nay đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Trường G không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn chị Bùi Lê Quỳnh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Lê Trường G vắng mặt không lý do.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

Đây là quan hệ "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Bùi Lê Quỳnh T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Anh Lê Trường G là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Bùi Lê Quỳnh T giao nộp 01 giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2007 ngày 26/01/2007 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử xác định giữa chị Bùi Lê Quỳnh T và anh Lê Trường G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị Bùi Lê Quỳnh T xác định giữa chị và anh Lê Trường G phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên

tranh cãi, anh G không có trách nhiệm với gia đình, đã ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trường G.

Anh Lê Trường G không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị Bùi Lê Quỳnh T, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh G không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với chị T và lời trình bày chị T về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Lê Quỳnh T và anh Lê Trường G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Lê Quỳnh T được ly hôn với anh Lê Trường G là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. *Về con chung*:

- Anh Lê Trường G và chị Bùi Lê Quỳnh T có 01 người con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 18/7/2016.

- Chị Bùi Lê Quỳnh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị T trình bày thì chị có việc làm ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung và hiện nay con chung đang sống cùng chị. Anh Lê Trường G không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Để đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Bùi Lê Quỳnh T không yêu cầu anh Lê Trường G cấp dưỡng cho con, đây là sự tự nguyện của chị T phù hợp với qui định của pháp luật nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Bùi Lê Quỳnh T không yêu cầu giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Bùi Lê Quỳn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39**;** điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Bùi Lê Quỳnh T được ly hôn với anh Lê Trường G.

2. Con chung:

Tiếp tục giao con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 18/7/2016 cho chị Bùi Lê Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Trường G không phải cấp dưỡng cho con vì chị T không yêu cầu. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị Bùi Lê Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002073 ngày 04/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Lê Quỳnh T và anh Lê Trường G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền G;
-VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự: G, T;
- UBND Phường A, Quận B, Tp.HCM;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Cảnh